

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 230/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết giao chỉ tiêu lao động hợp đồng đối với đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế năm 2023 theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH
VÀ HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG VĂN ĐẾN

Số đến: 5408

Ngày đến: 27/6

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

UBND Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết về việc giao chỉ tiêu lao động hợp đồng đối với đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế năm 2023 theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Nhu cầu về nhân lực lĩnh vực giáo dục và y tế

- *Đối với lĩnh vực giáo dục:* Số lượng học sinh hằng năm đều có sự biến động tăng. Trung bình mỗi năm số học sinh các trường mầm non, phổ thông công lập tăng gần 6% (chưa tính khối các trường ngoài công lập). Số lượng học sinh/lớp các trường công lập đều lớn hơn quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cá biệt có những trường tại một số quận, số lượng học sinh trung bình khối tiểu học là 56 học sinh/lớp, khối THCS là 53 học sinh/lớp. Về nhu cầu, khi số lượng học sinh, số lượng lớp, số trường tăng, kéo theo số lượng người làm việc tại khối giáo dục cũng phải tăng theo nhằm đáp ứng yêu cầu "có học sinh, có lớp phải có giáo viên". Tuy nhiên từ năm 2015 đến nay, số lượng viên chức được giao cho khối giáo dục cơ bản giữ nguyên, năm 2022, số lượng biên chế toàn Thành phố chỉ đáp ứng 92% nhu cầu biên chế của các trường công lập (không tính các trường đã nâng mức tự chủ, chuyển sang tự chủ chi thường xuyên).

- *Đối với lĩnh vực y tế:* Các trạm y tế xã, phường, thị trấn tại địa phương có dân số lớn hơn mức nhân lực tối đa theo quy định nên thiếu nhân lực y tế để đảm bảo phục vụ khám chữa bệnh, làm công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

Hiện nay, theo báo cáo của các đơn vị, số lượng giáo viên còn thiếu 8.939 biên chế do số biên chế viên chức được giao thấp hơn định mức số lượng người làm việc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó số giáo viên còn thiếu bậc mầm non là 1.325, bậc Tiểu học: 3.634, bậc THCS: 2.684, bậc THPT: 1.296.

Để giải quyết tình trạng trên, ngày 30 tháng 12 năm 2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, trong đó quy định: "Đơn vị nhóm 4 thuộc

lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và y tế ký kết hợp đồng lao động có thời gian không quá 12 tháng để làm công việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, nhưng số lượng người ký kết hợp đồng lao động chiếm không quá 70% số chênh lệch giữa số lượng người làm việc được giao với số lượng theo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế ban hành. Số lượng hợp đồng ký kết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý ở Trung ương xem xét, quyết định."

Nhằm kịp thời bổ sung nhân lực cho ngành y tế, giáo dục; đặc biệt là đáp ứng nhu cầu giáo viên cho năm học mới nên cần thiết phải bổ sung chỉ tiêu lao động hợp đồng cho các cơ sở giáo dục. Việc bổ sung này phù hợp với quy định và yêu cầu thực tiễn.

2. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 05/4/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

- Thông tư số 05/2023/TT-BNV ngày 03/5/2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu hợp đồng dịch vụ và mẫu hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội.

3. Kết quả rà soát số lượng lao động hợp đồng theo quy định

3.1. Nguyên tắc rà soát

(1) Rà soát giao chỉ tiêu lao động hợp đồng đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị tự chủ dưới 10% và đơn vị không có nguồn thu sự nghiệp).

(2) Đối với ngành giáo dục: Căn cứ số học sinh, số lớp để tính định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục (Mầm non công lập theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào

tạo và Bộ Nội vụ; Tiểu học, THCS, THPT theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

(3) Đối với ngành y tế: Căn cứ số giường bệnh, dân số, lượt khám chữa bệnh, hạng của đơn vị sự nghiệp công lập để tính định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở y tế công lập theo Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 05/4/2023 của Bộ Y tế.

(4) Căn cứ số người làm việc được giao cho các đơn vị năm 2023.

Từ những căn cứ nêu trên, xác định số lượng chỉ tiêu lao động hợp đồng cần bổ sung cho các đơn vị đảm bảo không quá 70% số chênh lệch giữa số lượng người làm việc được giao năm 2023 với số lượng người làm việc theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

3.2. Kết quả rà soát

Tổng số chỉ tiêu lao động hợp đồng đề nghị giao bổ sung cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, lĩnh vực y tế năm 2023: **3.119 chỉ tiêu**, cụ thể như sau:

3.2.1. Đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo

a) Đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Có 01/122 trường có tỉ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên dưới 10%:
Trường Phổ thông Dân tộc nội trú.

- Số chỉ tiêu lao động hợp đồng cần bổ sung: 03 chỉ tiêu.

b) Đơn vị thuộc UBND quận, huyện, thị xã:

- Có 05 quận không có đơn vị sự nghiệp công lập có tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên dưới 10% là: Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hoàng Mai, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm.

- Có 25 quận, huyện, thị xã còn lại đều có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc nhóm 4 và tổng hợp theo từng cấp học.

- Số chỉ tiêu lao động hợp đồng cần bổ sung: 3.109, trong đó cấp THCS là 956, cấp Tiểu học là 1.723, cấp Mầm non là 430.

Tổng số chỉ tiêu lao động hợp đồng lĩnh vực giáo dục cần bổ sung: 3.112 chỉ tiêu.

3.2.2. Đối với lĩnh vực y tế

- Có 04/78 đơn vị sự nghiệp công lập có tỉ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên dưới 10%; trong đó có 02 đơn vị đề nghị bổ sung lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương và Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức.

- Số chỉ tiêu lao động hợp đồng cần bổ sung: 07 chỉ tiêu.

Như vậy, Tổng số chỉ tiêu lao động hợp đồng đối với đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế năm 2023 theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ là: 3.119 chỉ tiêu.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

4. Giao chỉ tiêu lao động hợp đồng

Sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt, UBND Thành phố sẽ phân bổ 3.119 chỉ tiêu lao động hợp đồng trên cho các quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế. Đồng thời yêu cầu các đơn vị ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, vị trí việc làm; quản lý, sử dụng hiệu quả số lao động hợp đồng được giao.

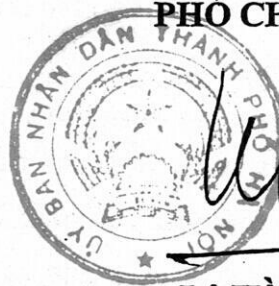
UBND Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- VPUBNDTP: CVP, các PCVP, TH, NC;
- Lưu: VT.

54

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

BIỂU GIAO CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ NHÓM 4 THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2023
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 11/2022/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Tờ trình số **230**/TTr-UBND ngày **26** / **6**/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Khối TH, THCS		Khối Mầm non				Số viên chức theo định mức của Bộ Giáo dục và đào tạo				Số viên chức được giao theo Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022				Số lượng lao động hợp đồng được ký kết (70% x {(9)-(13)})
		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Số lớp		Tổng cộng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	Tổng cộng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	
				Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo									
	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TOÀN THÀNH PHỐ	767 779	35 289	40 686	174 856	1 669	5 867	59 695	3 535	51 279	4 861	55 580	3 529	47 273	4 701	3 112
A	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	1 056	24					66	3	54	9	62	3	49	10	3
	KHỐI THPT	1 056	24					66	3	54	9	62	3	49	10	3
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú	1 056	24					66	3	54	9	62	3	49	10	3
B	KHỐI QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	766 723	35 265	40 686	174 856	1 669	5 867	59 629	3 532	51 225	4 852	55 518	3 526	47 224	4 691	3 109
I	KHỐI THCS	193 224	20 233					12 657	675	10 381	1 592	11 289	674	9 055	1 552	956
II	KHỐI TIỂU HỌC	573 412	15 024					26 958	1 459	23 214	2 296	24 627	1 455	20 967	2 184	1 723
III	KHỐI MẦM NON			40 686	174 856	1 669	5 867	19 990	1 396	17 613	960	19 579	1 395	17 185	951	430
IV	CÁC TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT	87	8					24	2	18	4	23	2	17	4	
1	UBND Quận Hoàn Kiếm															
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	23 832	631	1 065	7 273	42	226	2 123	132	1 831	160	1 979	131	1 691	157	99
I	Khối THCS	4 280	119					276	13	232	31	263	13	220	30	8
II	Khối Tiểu học	19 552	512					918	49	792	77	864	49	740	75	38
III	Khối MG-MN			1 065	7 273	42	226	929	70	807	52	852	69	731	52	53
3	UBND Quận Ba Đình	17 836	464	180	1 096	8	38	953	56	818	79	935	55	803	77	13
II	Khối Tiểu học	17 836	464					821	42	712	67	803	41	697	65	13
III	Khối Mầm non			180	1 096	8	38	132	14	106	12	132	14	106	12	
4	UBND Quận Đống Đa															
5	UBND Quận Tây Hồ	15 794	367	835	5 305	23	144	1 195	63	1 047	85	1 046	63	902	77	105
I	Khối THCS	2 872	72					168	8	140	20	149	8	120	21	14
II	Khối Tiểu học	12 922	295					512	25	446	41	454	25	393	36	41
III	Khối Mầm non			835	5 305	23	144	515	30	461	24	443	30	389	20	50
6	UBND Quận Thanh Xuân	23 783	487					848	39	744	65	722	39	618	65	88
II	Khối Tiểu học	23 783	487					848	39	744	65	722	39	618	65	88

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Khối TH, THCS		Khối Mầm non				Số viên chức theo định mức của Bộ Giáo dục và đào tạo				Số viên chức được giao theo Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022				Số lượng lao động hợp đồng được ký kết (70% x {(9)-(13)})
		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Số lớp		Tổng cộng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	Tổng cộng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	
				Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo									
7	UBND Quận Cầu Giấy	24 093	461					800	35	707	58	725	35	642	48	53
II	Khối Tiểu học	24 093	461					800	35	707	58	725	35	642	48	53
8	UBND Quận Hoàng Mai															
9	UBND Quận Long Biên	32 915	820					1 451	78	1 246	127	1 160	78	971	111	203
II	Khối Tiểu học	32 915	820					1 451	78	1 246	127	1 160	78	971	111	203
10	UBND Quận Nam Từ Liêm															
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm															
12	UBND Quận Hà Đông	47 361	956					1 678	77	1 464	137	1 364	77	1 176	111	201
II	Khối Tiểu học	47 361	956					1 678	77	1 464	137	1 364	77	1 176	111	201
13	UBND Huyện Thanh Trì	29 996	703	2 554	11 522	93	345	2 523	154	2 197	173	2 234	154	1 913	157	197
I	Khối THCS	381	9					26	2	19	5	26	2	19	5	
II	Khối Tiểu học	29 615	694					1 262	66	1 086	111	1 036	66	866	94	153
III	Khối Mầm non			2 554	11 522	93	345	1 235	86	1 092	57	1 172	86	1 028	58	44
IV	Các Trường chuyên biệt															
14	UBND Huyện Gia Lâm	29 103	696	476	2 664	19	85	1 526	92	1 312	122	1 398	92	1 184	122	96
I	Khối THCS	348	10					27	2	20	5	26	2	19	5	1
II	Khối Tiểu học	28 755	686					1 224	66	1 057	101	1 088	66	921	101	95
III	Khối Mầm non			476	2 664	19	85	275	24	235	16	284	24	244	16	
15	UBND Huyện Đông Anh	68 110	1 624	4 280	17 541	146	552	4 948	257	4 345	346	4 570	257	3 977	336	283
I	Khối THCS	28 051	670					1 503	63	1 299	141	1 366	63	1 172	131	96
II	Khối Tiểu học	39 972	946					1 657	81	1 449	127	1 459	81	1 263	115	139
III	Khối Mầm non			4 280	17 541	146	552	1 764	111	1 579	74	1 722	111	1 525	86	49
IV	Các Trường chuyên biệt	87	8					24	2	18	4	23	2	17	4	
16	UBND Huyện Sóc Sơn	35 686	952	1 909	6 919	38	205	2 444	131	2 127	186	2 285	132	1 965	188	108
I	Khối THCS	4 289	105					248	12	206	30	221	12	179	30	18
II	Khối Tiểu học	31 397	847	851				1 513	80	1 303	130	1 424	81	1 213	130	60
III	Khối Mầm non			1 058	6 919	38	205	684	39	619	26	640	39	573	28	30

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Khối TH, THCS		Khối Mầm non				Số viên chức theo định mức của Bộ Giáo dục và đào tạo				Số viên chức được giao theo Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022				Số lượng lao động hợp đồng được ký kết (70% x {(9)-(13)})
		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Số lớp		Tổng cộng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	Tổng cộng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	
				Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo									
17	UBND huyện Ba Vì	27 675	831	3 211	11 690	155	481	3 254	207	2 827	204	2 953	207	2 542	204	263
I	Khối THCS	17 495	471					1 161	67	928	166	1 086	67	871	148	52
II	Khối Tiểu học	27 675	831					1 596	89	1 381	126	1 404	89	1 189	126	131
III	Khối Mầm non			3 411	12 434	163	507	1 745	124	1 523	82	1 632	124	1 426	82	79
18	UBND Thị xã Sơn Tây	18 823	491	594	3 093	24	106	1 249	64	1 101	93	1 214	64	1 034	93	47
I	Khối THCS	5 374	125					290	13	244	30	262	13	207	30	26
II	Khối Tiểu học	13 449	366					636	33	564	51	629	33	534	51	21
III	Khối Mầm non			594	3 093	24	106	323	18	293	12	323	18	293	12	
19	UBND Huyện Thạch Thất	37 626	1 043	1 841	11 705	75	348	3 193	189	2 734	270	3 023	189	2 568	270	120
I	Khối THCS	16 976	427					1 004	49	834	121	915	49	749	121	60
II	Khối Tiểu học	20 650	616					1 106	62	947	97	1 050	62	891	97	39
III	Khối Mầm non			1 841	11 705	75	348	1 083	78	953	52	1 058	78	928	52	21
20	UBND Huyện Phúc Thọ	28 901	823	2 651	8 129	108	283	2 715	165	2 316	234	2 642	168	2 211	219	81
I	Khối THCS	13 023	336					815	44	661	110	750	44	596	110	43
II	Khối Tiểu học	15 878	487					887	50	761	76	836	50	712	74	36
III	Khối Mầm non			2 651	8 129	108	283	1 013	71	894	48	1 056	74	903	35	2
21	UBND Huyện Đan Phượng	15 295	435					790	44	678	68	763	44	655	64	24
II	Khối Tiểu học	15 295	435					790	44	678	68	763	44	655	64	24
22	UBND Huyện Hoài Đức	28 479	759	3 518	11 912	118	359	2 703	161	2 353	189	2 599	161	2 252	186	73
I	Khối THCS	3 219	88					215	12	173	30	181	12	139	30	24
II	Khối Tiểu học	25 260	671					1 196	63	1 032	101	1 146	63	982	101	35
III	Khối Mầm non			3 518	11 912	118	359	1 292	86	1 148	58	1 272	86	1 131	55	14
23	UBND huyện Quốc Oai	18 714	15 864	2 954	9 715	122	356	3 142	214	2 667	261	2 994	211	2 524	259	114
I	Khối THCS	382	15 310					930	69	748	113	818	69	636	113	78
II	Khối Tiểu học	18 332	554					979	58	831	90	994	58	846	90	
III	Khối Mầm non			2 954	9 715	122	356	1 233	87	1 088	58	1 182	84	1 042	56	36
24	UBND Huyện Chương Mỹ	57 294	1 446	1 656	11 269	64	342	4 005	241	3 394	365	3 603	239	3 003	361	284

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Khối TH, THCS		Khối Mầm non				Số viên chức theo định mức của Bộ Giáo dục và đào tạo				Số viên chức được giao theo Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022				Số lượng lao động hợp đồng được ký kết (70%x{(9)-(13)})
		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Số lớp		Tổng cộng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	Tổng cộng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	
				Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo									
I	Khối THCS	23 064	573					1 358	67	1 126	165	1 146	67	914	165	150
II	Khối Tiểu học	34 230	873					1 588	91	1 353	144	1 443	89	1 214	140	102
III	Khối Mầm non			1 656	11 269	64	342	1 059	83	915	56	1 014	83	875	56	32
25	UBND Huyện Thanh Oai	33 323	865	1 891	9 128	84	334	2 833	171	2 426	236	2 681	170	2 277	234	123
I	Khối THCS	14 072	350					829	42	685	102	717	42	573	102	78
II	Khối Tiểu học	19 251	515					935	54	797	84	871	53	736	82	44
III	Khối Mầm non			1 891	9 128	84	334	1 070	75	945	50	1 093	75	968	50	
26	UBND Huyện Thường Tín	33 356	948	2 632	9 544	121	366	3 123	186	2 687	250	2 902	186	2 466	250	155
I	Khối THCS	10 626	274					673	38	540	95	587	38	454	95	60
II	Khối Tiểu học	22 730	674					1 203	64	1 040	99	1 096	64	933	99	75
III	Khối Mầm non			2 632	9 544	121	366	1 248	84	1 108	56	1 219	84	1 079	56	20
27	UBND Huyện Ứng Hòa	22 995	722	1 895	8 140	86	299	2 470	185	2 031	254	2 429	185	2 024	220	40
I	Khối THCS	6 341	193					486	34	367	85	450	34	342	74	25
II	Khối Tiểu học	16 654	529					951	63	794	94	927	63	777	87	15
III	Khối Mầm non			1 895	8 140	86	299	1 034	88	871	75	1 052	88	905	59	
28	UBND Huyện Phú Xuyên	31 191	942	3 031	8 455	147	338	3 214	200	2 722	283	3 077	201	2 581	295	97
I	Khối THCS	12 918	358					894	52	706	130	800	52	618	130	62
II	Khối Tiểu học	18 273	584					1 064	61	905	95	1 015	62	860	93	35
III	Khối Mầm non			3 031	8 455	147	338	1 256	87	1 111	58	1 262	87	1 103	72	
29	UBND Huyện Mỹ Đức	31 139	943	2 505	9 025	125	337	3 129	193	2 670	266	2 973	190	2 519	264	136
I	Khối THCS	13 723	368					896	51	723	122	768	50	597	121	90
II	Khối Tiểu học	17 416	575					1 044	61	893	90	978	59	830	89	46
III	Khối Mầm non			2 505	9 025	125	337	1 189	81	1 054	54	1 227	81	1 092	54	
30	UBND Huyện Mê Linh	39 691	1 008	1 659	9 987	63	297	2 920	164	2 520	236	2 800	164	2 400	236	107
I	Khối THCS	15 790	375					859	37	731	91	758	37	630	91	70
II	Khối Tiểu học	23 901	633					1 151	67	979	105	1 098	67	926	105	37
III	Khối Mầm Non			1 659	9 987	63	297	911	60	811	40	944	60	844	40	

BIỂU SỐ LƯỢNG KÝ KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ NHÓM 4 THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM 2023
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP

(Kèm theo Tờ trình số 270 /TTr-UBND ngày 26 / 6 /2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Hạng đơn vị	Số giường bệnh	Số viên chức theo định mức của Bộ Y tế	Số viên chức được giao theo Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022	Số lượng lao động hợp đồng được ký kết	Ghi chú
1	BV Tâm thần BN Mai Hương	III	70	63	54	6	
2	BV Tâm thần Mỹ Đức	III	220	185	183	1	
	TỔNG		290	248	237	7	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về giao chỉ tiêu lao động hợp đồng đối với đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế năm 2023 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2023 của UBND Thành phố về đề nghị giao chỉ tiêu lao động hợp đồng đối với đơn vị nhóm 4 thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và y tế theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2023; Báo cáo thẩm tra số /BC-PC ngày tháng năm 2023 và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao 3.119 chỉ tiêu lao động hợp đồng đối với đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2023 cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, UBND quận, huyện, thị xã:

1. Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục: 3.112 chỉ tiêu, trong đó:

- Trung học phổ thông : 03 chỉ tiêu;
- Trung học cơ sở : 956 chỉ tiêu;
- Tiểu học : 1723 chỉ tiêu;
- Mầm non : 430 chỉ tiêu.

2. Lĩnh vực sự nghiệp y tế: 07 chỉ tiêu

(Số lượng giao chỉ tiêu lao động hợp đồng cho các đơn vị trong Biểu kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao chỉ tiêu lao động hợp đồng theo đúng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, đảm bảo đúng quy định. Thực hiện việc quản lý, sử dụng hiệu quả số lao động hợp đồng được giao.

2. Chỉ đạo việc ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, vị trí việc làm.

3. Có giải pháp nâng cao mức tự chủ tài chính của cơ sở giáo dục công lập, đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, y tế, theo đó giảm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng chủ trương của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.

3. Chỉ tiêu lao động hợp đồng được giao thực hiện từ tháng 8 năm 2023 đến hết tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác ĐBQH, VPQH, VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐNDTP, UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

BIỂU GIAO CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG
ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ NHÓM 4 THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ Y TẾ NĂM 2023
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Đơn vị	Số lượng chỉ tiêu lao động hợp đồng					
		Tổng	Lĩnh vực sự nghiệp y tế	Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục			
				Trung học phổ thông	Trung học cơ sở	Tiểu học	Mầm non
	Toàn Thành phố	3 119	7	3	956	1 723	430
I	Khối Sở, ngành	10	7	3			
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	3		3			
2	Sở Y tế	7	7				
II	Khối quận, huyện, thị xã	3 109			956	1 723	430
1	UBND Quận Hai Bà Trưng	99			8	38	53
2	UBND Quận Ba Đình	13				13	
3	UBND Quận Tây Hồ	105			14	41	50
4	UBND Quận Thanh Xuân	88				88	
5	UBND Quận Cầu Giấy	53				53	
6	UBND Quận Long Biên	203				203	
7	UBND Quận Hà Đông	201				201	
8	UBND Huyện Thanh Trì	197				153	44
9	UBND Huyện Gia Lâm	96			1	95	
10	UBND Huyện Đông Anh	283			96	139	49
11	UBND Huyện Sóc Sơn	108			18	60	30
12	UBND huyện Ba Vì	263			52	131	79
13	UBND Thị xã Sơn Tây	47			26	21	
14	UBND Huyện Thạch Thất	120			60	39	21
15	UBND Huyện Phúc Thọ	81			43	36	2
16	UBND Huyện Đan Phượng	24				24	
17	UBND Huyện Hoài Đức	73			24	35	14
18	UBND huyện Quốc Oai	114			78		36
19	UBND Huyện Chương Mỹ	284			150	102	32
20	UBND Huyện Thanh Oai	123			78	44	
21	UBND Huyện Thường Tín	155			60	75	20
22	UBND Huyện Ứng Hòa	40			25	15	
23	UBND Huyện Phú Xuyên	97			62	35	
24	UBND Huyện Mỹ Đức	136			90	46	
25	UBND Huyện Mê Linh	107			70	37	